

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT**  
**TIÊU CHUẨN**  
**CHỨC DANH: Phó giáo sư**  
**Mã hồ sơ:.....**



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒ ; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Toán học; Chuyên ngành: Lý thuyết xác suất và Thống kê toán học

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: Tạ Quốc Bảo

2. Ngày tháng năm sinh: 10/10/1979; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Nam Phong, Phú Xuyên, Hà Nội

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): B.0209, Chung cư 4S, Đường số 17, Phường Hiệp Bình Chánh, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): B.0209, Chung cư 4S, KP43, Đường số 17, Phường Hiệp Bình Chánh, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại nhà riêng: Điện thoại di động: 0936175799;

E-mail: baotq@hcmiu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 03/2002 đến 10/2003: Nghiên cứu viên tại Viện Toán học-Viện Hàn Lâm Khoa học và Công nghệ Quốc gia

Từ 11/2003 đến 04/2007: Giảng viên tại Trường Đại học Khoa học-Đại học Thái Nguyên

Từ 05/2007 đến 10/2015: Giảng viên tại Trường Đại học Xây dựng Hà Nội

Từ 06/2017 đến 10/2020: Giảng viên tại Trường Đại học Ngân Hàng TP. Hồ Chí Minh

Từ 10/2020 đến 06/2025: Giảng viên tại Trường Đại học Quốc tế- Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

Chức vụ hiện nay: Giảng viên; Chức vụ cao nhất đã qua: Giảng viên

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Quốc tế- Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ cơ quan: Khu phố 6, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại cơ quan: (028)37244270

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 22 tháng 06 năm 2001, số văn bằng: B322487, ngành: Toán học, chuyên ngành: Lý thuyết Xác suất và Thống kê toán học

Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Tự Nhiên-ĐHQG HN

- Được cấp bằng ThS [4] ngày 15 tháng 12 năm 2006, số văn bằng: QM 003652, ngành: Toán học, chuyên ngành: Lý thuyết Xác suất và Thống kê toán học

Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Tự Nhiên-ĐHQG HN

- Được cấp bằng TS [5] ngày 17 tháng 06 năm 2014, số văn bằng: Công nhận văn bằng số: 010863/CNVN\_TS (Cục KT&KĐCLGD công nhận văn bằng), ngành: Toán học, chuyên ngành: Lý thuyết Xác suất và Thống kê toán học

Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Đại học Abo Akademi, Phần Lan

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HDGS cơ sở: Trường Đại học Quốc tế, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành:  
Toán học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Lý thuyết xác suất và Quá trình ngẫu nhiên
- Thống kê ứng dụng trong Tài chính

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 1 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 3 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận án ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 2 cấp Cơ sở;
- Đã công bố (số lượng) 18 bài báo khoa học, trong đó 11 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 0, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

| TT | Tên khen thưởng                                                                                                  | Cấp khen thưởng        | Năm khen thưởng |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------|
| 1  | Thưởng công trình Toán học năm 2017 của chương trình trọng điểm quốc gia phát triển toán học giai đoạn 2010-2020 | Bộ giáo dục và Đào tạo | 2017            |

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

| TT       | Tên kỷ luật | Cấp ra quyết định | Số quyết định | Thời hạn hiệu lực |
|----------|-------------|-------------------|---------------|-------------------|
| Không có |             |                   |               |                   |

## **B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ**

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

-Trong thời gian công tác tôi tự đánh giá đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về đạo đức của nhà giáo. Luôn có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 18 năm 0 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

| TT              | Năm học   | Số lượng NCS đã hướng dẫn |     | Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn | Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD | Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp |     | Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*) |
|-----------------|-----------|---------------------------|-----|------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------|
|                 |           | Chính                     | Phụ |                                    |                                         | ĐH                                 | SDH |                                                                                           |
| 1               | 2019-2020 |                           |     |                                    |                                         | 480                                |     | 480/534/270                                                                               |
| 2               | 2020-2021 |                           |     |                                    | 4                                       | 291.3                              |     | 291.3/366.3/270                                                                           |
| 3               | 2021-2022 |                           |     |                                    | 6                                       | 311.7                              |     | 311.7/383.7/270                                                                           |
| 03 năm học cuối |           |                           |     |                                    |                                         |                                    |     |                                                                                           |
| 4               | 2022-2023 |                           |     |                                    | 4                                       | 353.04                             |     | 353.04/401.04/270                                                                         |
| 5               | 2023-2024 |                           |     |                                    | 6                                       | 491.01                             |     | 491.01/563.01/270                                                                         |
| 6               | 2024-2025 |                           |     |                                    | 7                                       | 561.12                             |     | 561.12/645.12/270                                                                         |

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng

cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

### 3. Ngoại ngữ

#### 3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; Tại nước: Phần Lan năm 2014

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☒:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Quốc tế-ĐHQG TP.HCM

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

#### 3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

#### 4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

| TT | Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT | Đối tượng |               | Trách nhiệm hướng dẫn |     | Thời gian hướng dẫn từ ... đến ... | Cơ sở đào tạo                                | Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng |
|----|-------------------------------|-----------|---------------|-----------------------|-----|------------------------------------|----------------------------------------------|-------------------------------------------------------|
|    |                               | NCS       | HVCH/CK2/BSNT | Chính                 | Phụ |                                    |                                              |                                                       |
| 1  | Bùi Thiên Hòa                 |           | X             | X                     |     | 11/2017 đến 06/2018                | Trường Đại học Cần Thơ                       | 01/11/2018                                            |
| 2  | Nguyễn Đình Tùng              |           | X             | X                     |     | 06/2020 đến 12/2020                | Trường Đại học Khoa học Tự Nhiên-ĐHQG TP.HCM | 10/05/2024                                            |

|   |                  |   |   |   |   |                           |                                                              |            |
|---|------------------|---|---|---|---|---------------------------|--------------------------------------------------------------|------------|
| 3 | Nguyễn Quốc Bảo  |   | X | X |   | 06/2022<br>đến<br>12/2022 | Trường Đại<br>học Khoa<br>học Tự<br>Nhiên-<br>ĐHQG<br>TP.HCM | 26/04/2023 |
| 4 | Bùi Thị Thiện Mỹ | X |   |   | X | 12/2020<br>đến<br>12/2024 | Đại học<br>Kinh tế-<br>TP.HCM                                | 31/10/2024 |

**Ghi chú:** Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học trở lên

| TT       | Tên sách | Loại sách<br>(CK, GT, TK, HD) | Nhà xuất bản và năm xuất bản | Số tác giả | Chủ biên | Phần biên soạn (từ trang ... đến trang) | Xác nhận của cơ sở GDĐH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách) |
|----------|----------|-------------------------------|------------------------------|------------|----------|-----------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| Không có |          |                               |                              |            |          |                                         |                                                            |

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0 ()

**Lưu ý:**

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

| TT | Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...) | CN/PCN/TK | Mã số và cấp quản lý | Thời gian thực hiện | Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả |
|----|------------------------------------------------|-----------|----------------------|---------------------|---------------------------------------------------|
|----|------------------------------------------------|-----------|----------------------|---------------------|---------------------------------------------------|

| Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ |                                                                  |    |                         |                           |                                                                                |
|---------------------------------|------------------------------------------------------------------|----|-------------------------|---------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
| 1                               | Ước lượng độ biến động ngẫu nhiên trong mô hình Toán tài chính   | CN | 63-2008/KHXD, cấp Cơ sở | 30/01/2008 đến 30/01/2009 | Quyết định công nhận kết quả nghiệm thu số 15/QĐ-KHCN 07/01/2009. Kết quả: Tốt |
| Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ   |                                                                  |    |                         |                           |                                                                                |
| 2                               | Ứng dụng mô hình Copula và Học máy trong Quản lý Danh mục đầu tư | CN | C2023-28-10, cấp Cơ sở  | 23/02/2023 đến 23/02/2025 | Nghiệm thu và Thanh lý 19/06/2024. Kết quả: Xuất sắc                           |

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

| TT                              | Tên bài báo/báo cáo KH                                                                               | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn) | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|---------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------|----------------|--------------------|
| Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ |                                                                                                      |            |                  |                                                 |                                                   |                                            |                |                    |
| 1                               | <a href="#">On the stability of solutions of stochastic differential equations with linear drift</a> | 1          | Có               | East-West J. of Mathematics                     | - Hệ thống CSDL quốc tế khác                      |                                            | 5, 2, 123–136  | 06/2003            |

|                               |                                                                                                                        |   |       |                                                                |                                               |    |                   |         |
|-------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|----|-------------------|---------|
| 2                             | <a href="#">On the Existence, Uniqueness and Stability of Solutions of Stochastic Volterra–Ito Equation</a>            | 1 | Có    | Vietnam Journal of Mathematics                                 | - Hệ thống CSDL quốc tế khác                  | 3  | 32, 4, 389–397    | 12/2004 |
| 3                             | <a href="#">A Note on the Generalized Bernoulli and Euler Polynomials</a>                                              | 1 | Có    | European Journal of Pure and Applied Mathematics               | - Hệ thống CSDL quốc tế khác                  | 2  | 6, 4, 405-412     | 12/2013 |
| 4                             | <a href="#">Optimal stopping of strong Markov processes</a>                                                            | 3 | Không | Stochastic Processes and their Applications                    | ISI - SCIE IF: 1.1, Q1 (năm công bố, SCImago) | 42 | 123, 3, 1138-1159 | 03/2013 |
| Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ |                                                                                                                        |   |       |                                                                |                                               |    |                   |         |
| 5                             | <a href="#">Differentiability of excessive functions of one-dimensional diffusions and the principle of smooth fit</a> | 2 | Không | Advances in Mathematics of Finance, BANACH CENTER PUBLICATIONS | - Hệ thống CSDL quốc tế khác                  | 10 | 104 181-199       | 04/2015 |
| 6                             | <a href="#">Probabilistic approach to Appell polynomials</a>                                                           | 1 | Có    | Expositiones Mathematicae                                      | ISI - SCIE IF: 0.9, Q2 (năm                   | 43 | 33, 3, 269-294    | 06/2015 |



|    |                                                                                                          |   |    |                                                     |                                                                    |    |                          |         |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|----|-----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|----|--------------------------|---------|
|    |                                                                                                          |   |    |                                                     | <i>công bố,<br/>SCImago)</i>                                       |    |                          |         |
| 7  | <a href="#">Averaging problems of running processes associated with Brownian motion and applications</a> | 1 | Có | International Journal of Mathematics                | ISI -<br>SCIE IF:<br>0.6, Q1<br>( <i>năm công bố,<br/>SCImago)</i> |    | 26, 3,<br>1550028        | 05/2015 |
| 8  | <a href="#">Some properties of bivariate Schur-constant distributions</a>                                | 2 | Có | Statistics & Probability Letters                    | ISI -<br>SCIE IF:<br>0.9, Q3<br>( <i>năm công bố,<br/>SCImago)</i> | 12 | 124 69-<br>76            | 05/2017 |
| 9  | <a href="#">On characterizations of bivariate Schur-constant models and applications</a>                 | 4 | Có | Studies in Computational Intelligence               | IF:<br>Scopus,<br>Q4 ( <i>năm công bố,<br/>SCImago)</i>            | 5  | 760<br>890-901           | 01/2018 |
| 10 | <a href="#">A probabilistic proof of Euler's formula for <math>\zeta(2n)</math></a>                      | 2 | Có | Mathematical Reports                                | ISI -<br>SCIE IF:<br>0.3, Q4<br>( <i>năm công bố,<br/>SCImago)</i> | 1  | 21, 1,<br>61-65          | 03/2019 |
| 11 | <a href="#">The Black-Litterman model for portfolio optimization on</a>                                  | 2 | Có | International Journal of Uncertainty, Fuzziness and | ISI -<br>SCIE IF:<br>1.0, Q3<br>( <i>năm</i>                       | 5  | 28,<br>Supp01,<br>99-111 | 09/2020 |

|    |                                                                                                                    |   |       |                                                                             |                                               |   |                   |         |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|---|-------------------|---------|
|    | <a href="#">Vietnam stock market</a>                                                                               |   |       | Knowledge-Based Systems                                                     | <i>công bố, SCImago)</i>                      |   |                   |         |
| 12 | <a href="#">Appell polynomials associated with levy processes and applications</a>                                 | 1 | Có    | Proceedings of the Romanian Academy - series A                              | ISI - SCIE IF: 0.7, Q2 (năm công bố, SCImago) |   | 21, 3, 221-230    | 09/2020 |
| 13 | <a href="#">Ruin Probabilities of Continuous-Time Risk Model with Dependent Claim Sizes and Interarrival Times</a> | 2 | Không | International Journal of Uncertainty, Fuzziness and Knowledge-Based Systems | ISI - SCIE IF: 1.0, Q3 (năm công bố, SCImago) | 2 | 28, Supp01, 69-80 | 09/2020 |
| 14 | <a href="#">Maximal Predictability Portfolio Optimization Model and Applications to Vietnam Stock Market</a>       | 5 | Có    | Studies in Systems, Decision and Control                                    | IF: Scopus, Q4 (năm công bố, SCImago)         | 4 | 429 559-578       | 07/2022 |
| 15 | <a href="#">Mean-Variance Portfolio Allocation Using ARMA-GARCH-Stable and Artificial</a>                          | 3 | Có    | Lecture Notes in Computer Science                                           | IF: Scopus, Q2 (năm công bố, SCImago)         |   | 14375 177-186     | 10/2023 |

|    |                                                                                                       |   |    |                                                                             |                                               |  |                     |         |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|----|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|--|---------------------|---------|
|    | <a href="#">Neural Network Models</a>                                                                 |   |    |                                                                             |                                               |  |                     |         |
| 16 | <a href="#">Portfolio Optimization Based on Artificial Neural Network and GARCH-EVT-Copula Models</a> | 2 | Có | International Journal of Uncertainty, Fuzziness and Knowledge-Based Systems | ISI - SCIE IF: 1.0, Q3 (năm công bố, SCImago) |  | 31, Supp02, 289-306 | 11/2023 |
| 17 | <a href="#">Some remarks on multivariate Schur-constant distributions</a>                             | 1 | Có | Bull. Math. Soc. Sci. Math. Roumanie                                        | ISI - SCIE IF: 0.6, Q3 (năm công bố, SCImago) |  | 67, 3, 277–286      | 09/2024 |
| 18 | <a href="#">Black–Litterman portfolio optimization based on GARCH–EVT–Copula and LSTM models</a>      | 2 | Có | Annals of Operations Research                                               | ISI - SCIE IF: 4.5, Q1 (năm công bố, SCImago) |  | 349, 3, 1693–1715   | 06/2025 |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 9 ([6] [7] [8] [10] [11] [12] [16] [17] [18])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

| TT | Tên bài báo/báo cáo KH | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|----|------------------------|------------|------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------|--------------------|
|----|------------------------|------------|------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------|--------------------|

|          |
|----------|
| Không có |
|----------|

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 0

## 7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

| TT       | Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích | Tên cơ quan cấp | Ngày tháng năm cấp | Tác giả chính/ đồng tác giả | Số tác giả |
|----------|------------------------------------------------|-----------------|--------------------|-----------------------------|------------|
| Không có |                                                |                 |                    |                             |            |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

## 7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

| TT       | Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT | Cơ quan/tổ chức công nhận | Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm) | Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế | Số tác giả |
|----------|--------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------------------------------|----------------------------------|------------|
| Không có |                                                              |                           |                                          |                                  |            |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

| TT | Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN | Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia) | Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm) | Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng | Văn bản đưa vào áp dụng thực tế | Ghi Chú                 |
|----|-------------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------------------|------------------------------------|---------------------------------|-------------------------|
| 1  | Ngành Thống kê trình độ Đại học hệ chính quy                | Tham gia                       | 1024/QĐ-ĐHQT, 22/09/2022                     | Trường ĐHQT-ĐHQG TP HCM            | 818/QĐ-ĐHQT, 06/07/2023         | Là thành viên chủ chốt. |
| 2  | Rà soát và điều chỉnh chương trình đào tạo                  | Tham gia                       | 82/QĐ-ĐHQT, 15/02/2023                       | Trường ĐHQT-                       | 796/QĐ-ĐHQT, 23/07/2024         |                         |

|  |                     |  |  |             |  |  |
|--|---------------------|--|--|-------------|--|--|
|  | ngành Toán ứng dụng |  |  | ĐHQG TP HCM |  |  |
|--|---------------------|--|--|-------------|--|--|

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

*Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.*

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:
- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**TP.Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 06 năm 2025**

**Người đăng ký  
(Ký và ghi rõ họ tên)**



Tạ Quốc Bảo